



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Marketing khách hàng tổ chức

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001031178	Đỗ Thị Thảo	Anh	08/06/2004	QM10A	01	58	4,0	02	Anh	LE
2	000002	1001030481	Nguyễn Thành Nam	Anh	31/12/2004	QM10A	01	59	3,3	01	cham	cham
3	000003	1001030488	Vũ Hồng	Anh	12/11/2004	QM10A	01	60	2,0	01	Shay	le
4	000004	1001031621	Vũ Thị Vân	Anh	04/05/2004	QM10A	01	61	2,0	01	Anh	cham
5	000005	1001031623	Nguyễn Văn	Bình	12/08/2004	QM10A	01	62	4,3	01	Bình	LE
6	000006	1001030510	Đỗ Tiến	Đạt	30/06/2004	QM10A	01	63	4,5	01	Đ	cham
7	000007	1001030528	Đào Thùy	Dương	21/11/2004	QM10A	01	64	4,8	01	Dương	le
8	000008	1001031217	Vương Thùy	Giang	11/09/2004	QM10A	01	65	5,5	01	Uyup	cham
9	000009	1001031218	Ma Thị	Hằng	24/05/2004	QM10A	01	66	4,0	01	Hằng	le
10	000010	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	01	67	3,8	01	Hào	cham
11	000011	1001030554	Phạm Thúy	Hiền	11/04/2004	QM10A	01	68	3,0	1	Hiền	le
12	000012	1001031636	Hà Trung	Hiếu	28/11/2004	QM10A	01	69	5,5	1	Hiếu	cham
13	000013	1001030562	Lê Phương	Hòa	29/07/2004	QM10A	01	70	5,5	01	Hòa	le
14	000014	1001030574	Phạm Đức Quang	Huy	23/09/2004	QM10A	01	71	5,8	01	Huy	cham
15	000015	1001030576	Vũ Quang	Huy	02/03/2004	QM10A	01	72	6,0	1	Huy	le
16	000016	1001031248	Nguyễn Hữu	Khang	19/09/2004	QM10A	01	73	5,5	1	Khang	cham
17	000017	1001030599	Lê Thị	Linh	15/01/2004	QM10A	01	74	4,0	1	Linh	le
18	000018	1001030604	Nguyễn Mai	Linh	10/08/2004	QM10A	01	75	4,5	1	Linh	cham
19	000019	1001030611	Trần Mai	Linh	07/05/2004	QM10A	01	76	1,5	2	Quê	le
20	000020	1001030614	Trịnh Đức	Long	02/07/2004	QM10A	01	77	5,3	1	Long	cham
21	000021	1001031269	Trần Thị Tuyết	Mai	01/03/2004	QM10A	01	78	5,5	2	mai	le
22	000022	1001030648	Nguyễn Trung	Nguyễn	10/09/2003	QM10A	01	79	6,5	1	nguyen	cham
23	000023	1001030657	Nguyễn Ngọc	Oanh	28/08/2004	QM10A	01	80	7,0	2	Oanh	le
24	000024	1001030662	Đỗ Hoàng	Phúc	11/10/2004	QM10A	01	81	4,5	1	Phúc	cham
25	000025	1001030669	Phạm Thị Thu	Phuong	15/01/2004	QM10A	01	82	7,0	2	Phuoc	le
26	000026	1001031395	Trần Thị	Quỳnh	17/02/2004	QM10A	01	83	4,0	1	Quynh	cham
27	000027	1001030680	Nguyễn Quang	Sang	05/04/2004	QM10A	01	84	6,8	1	Sang	le
28	000028	1001030682	Nguyễn Tiến	Sỹ	23/11/2004	QM10A	01	85	4,3	1	Sỹ	cham
29	000029	1001031304	Lê Phương	Thanh	29/04/2004	QM10A	01	86	5,5	1	Thanh	le

Tổng số sinh viên dự thi: 29...

Tổng số tờ giấy thi: 34...

Tổng số biên bản: 0...

Ngày 25 tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Mỹ

Nguyễn Thị Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Marketing khách hàng tổ chức

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000030	1001030691	Vương Thị Mai	Thanh	15/02/2004	QM10A	01	29	4,3	1	Thanh	chấn
2	000031	1001031397	Mai Phương	Thảo	07/10/2004	QM10A	01	30	5,5	1	Thảo	lẻ
3	000032	1001030696	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	20/09/2004	QM10A	01	31	4,0	01	Thảo	chấn
4	000033	1001030697	Nguyễn Phương	Thảo	29/11/2004	QM10A	01	32	7,0	02	Phương	lẻ
5	000034	1001031666	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/05/2004	QM10A	01	33	4,0	01	Thảo	chấn
6	000035	1001030701	Trương Thị	Thoan	09/09/2003	QM10A	01	34	5,3	01	Thoan	lẻ
7	000036	1001030705	Nguyễn Thị	Thương	16/07/2004	QM10A	01	35	3,3	1	Thương	chấn
8	000037	1001031676	Lê Thị Hà	Trang	10/07/2004	QM10A	01	36	6,0	1	Trang	lẻ
9	000038	1001031322	Hà Thị Thanh	Trúc	13/01/2004	QM10A	01	37	6,5	2	Trúc	chấn
10	000039	1001030725	Chu Quyết	Trường	16/06/2004	QM10A	01	38	5,5	1	Trường	lẻ
11	000040	1001030731	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	15/11/2004	QM10A	01	39	4,0	2	Tuấn	chấn
12	000041	1001031400	Nguyễn Thị Kim	Uyên	03/04/2004	QM10A	01	40	7,0	2	Uyên	lẻ
13	000042	1001031392	Đàm Thị Kiều	Xuân	26/09/2004	QM10A	01	41	5,0	4	Xuân	chấn
14	000043	1001030742	Nguyễn Như	Ý	27/01/2004	QM10A	01	42	8,5	2	Ý	lẻ
15	000044	1001030573	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	QM10B	01	43	3,8	2	Quang	HP
16	000045	1001030748	Tô Ngọc Hà	An	29/05/2004	QM10B	02	44	7,5	01	An	lẻ
17	000046	1001030475	Nguyễn Hải	Anh	08/07/2004	QM10B	02	45	4,3	1	Anh	chấn
18	000047	1001030482	Nguyễn Thị Hải	Anh	06/09/2004	QM10B	02	46	7,0	02	Anh	lẻ
19	000048	1001031189	Nguyễn Việt	Anh	20/10/2004	QM10B	02	47	5,8	01	Việt	chấn
20	000049	1001030489	Vũ Quỳnh	Anh	28/11/2004	QM10B	02	48	3,8	01	Quỳnh	lẻ
21	000050	1001030506	Đoàn Tuấn	Cường	25/10/2004	QM10B	02	49	3,8	01	Cường	chấn
22	000051	1001030535	Lê Ninh	Giang	27/08/2004	QM10B	02	50	4,0	01	Giang	lẻ
23	000052	1001030540	Hoàng Trung	Hải	22/03/2004	QM10B	02	51	5,8	01	Hải	chấn
24	000053	1001030545	Tạ Thị	Hằng	24/08/2004	QM10B	02	52	2,8	01	Hằng	lẻ
25	000054	1001030549	Nguyễn Thị Mai	Hậu	11/04/2004	QM10B	02	53	4,8	01	Hậu	chấn
26	000055	1001031635	Nguyễn Thế	Hiệp	24/04/2001	QM10B	02	54	6,5	01	Hiệp	lẻ
27	000056	1001030556	Lê Đức	Hiếu	25/10/2004	QM10B	02	55	2,5	01	Hiếu	chấn
28	000057	1001030564	Nguyễn Huy	Hoàng	12/10/2004	QM10B	02	56	4,5	01	Huỳnh	lẻ
29	000058	1001030568	Trần Thu	Hường	11/10/2004	QM10B	02	57	5,5	01	Trần	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 36

Tổng số biên bản: 0

Ngày 25 tháng 05 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Thanh Vân

Yê Hân Kỳ



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Marketing khách hàng tổ chức

le'/chan

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000059	1001030570	Hoàng Thế	Huy	02/11/2004	QM10B	02	1	4,5	01	Huy	le'
2	000060	1001031398	Trần Sỹ Quang	Huy	27/04/2004	QM10B	02	2	8,8	1	Huy	chấn
3	000061	1001030582	Nguyễn Khánh	Huyền	26/10/2004	QM10B	02	3	3,5 = Không	01	Huyền	le'
4	000062	1001030587	Phan Thị Thanh	Huyền	10/11/2004	QM10B	02	4	5,0	01	Huyền	chấn
5	000063	1001030592	Nguyễn Trung	Kiên	31/08/2004	QM10B	02	5	1,5	01	Kiên	le'
6	000064	1001030598	Dương Thị Thuỳ	Linh	06/01/2004	QM10B	02	6	6,5	01	Linh	chấn
7	000065	1001030600	Lưu Thị Khánh	Linh	02/09/2004	QM10B	02	7	3,5	01	Linh	le'
8	000066	1001030606	Nguyễn Thùy	Linh	01/10/2004	QM10B	02	8	6,0	01	Linh	chấn
9	000067	1001030613	Hồ Tuấn	Long	06/04/2004	QM10B	02	9	5,5	01	Long	le'
10	000068	1001030620	Lê Thị	Ly	12/10/2004	QM10B	02	10	5,5	01	Ly	chấn
11	000069	1001030625	Vũ Thị	Mai	26/08/2004	QM10B	02	11	6,0 = Không	01	Mai	le'
12	000070	1001030642	Nguyễn Hoài	Ngọc	09/11/2004	QM10B	02	12	5,3	01	Ngọc	chấn
13	000071	1001030644	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	04/11/2004	QM10B	02	13	2,0	01	Ngọc	le'
14	000072	1001030652	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	25/12/2004	QM10B	02	14	6,5	01	Như	chấn
15	000073	1001030661	Nguyễn Hà	Phong	09/01/2004	QM10B	02	15	4,5	01	Phong	le'
16	000074	1001031464	Nguyễn Hà	Phương	06/08/2004	QM10B	02	16	5,3	01	Phương	chấn
17	000075	1001030674	Nguyễn Văn	Quý	09/11/2000	QM10B	02	17	2,8	01	Quý	le'
18	000076	1001030686	Lê Thị	Tâm	11/04/2004	QM10B	02	18	5,3	01	Tâm	chấn
19	000077	1001030690	Nguyễn Hồng	Thanh	04/04/2004	QM10B	02	19	5,3	01	Thanh	le'
20	000078	1001030693	Nguyễn Thị	Thành	24/02/2004	QM10B	02	20	3,3	01	Thành	chấn
21	000079	1001031307	Đặng Duy	Thế	10/09/2004	QM10B	02	21	8,0	2	Thế	le'
22	000080	1001030703	Thân Thị Hoàng	Thu	10/08/2004	QM10B	02	22	5,0	01	Thu	chấn
23	000081	1001030709	Nguyễn Thủy	Tiên	22/12/2004	QM10B	02	23	4,0	01	Tiên	le'
24	000082	1001030721	Nguyễn Thu	Trang	25/02/2004	QM10B	02	24	3,0	01	Trang	chấn
25	000083	1001031326	Nguyễn Thị Tố	Uyên	26/11/2004	QM10B	02	25	6,0	01	Uyên	le'
26	000084	1001030737	Đặng Quốc	Việt	24/12/2004	QM10B	02	26	5,8	01	Việt	chấn
27	000085	1001030741	Trương Thị Thanh	Xuân	20/01/2004	QM10B	02	27	2,8 = Không	01	Xuân	le'
28	000086	0710331097	Nguyễn Đức	Duy	05/11/2000	QM7A	02					HP, ĐK
29	000087	0901030854	Hoàng Thị	Trà	17/10/2003	QM9A	02	28	3,5	01	Trà	le'
30	000088	0901030096	Bùi Thị Thảo	Vy	17/06/2003	QM9A	02					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 28

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 03

Ngày 15 tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Quản Thị Thu Huyền Phạm Thị Loan